

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2023/DS - PT

Ngày 09 - 6 - 2023

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Lâm Hồng

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long và bà Trần Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/5/2023; ngày 07/6/2023 và ngày 09/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản*” do bản án dân sự số 02/2023/DS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐ-PT ngày 12/4/2023; Quyết định tạm ngừng số 92/2023/QĐ-PT ngày 18/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 34/2023/QĐ-PT ngày 25/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh NGUYỄN DUY K. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 04, phường FSPg, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn anh NGUYỄN DUY K: Anh Trần Mạnh H - Địa chỉ: Số 007, phố TT, tổ 22, phường CL, TPLC, tỉnh Lào Cai. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 04, phường FSPg, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn ông Nguyễn Văn L: Ông Văn Minh N - Địa chỉ: Số 16, lô 3, PH, Đại lộ THĐ, tổ 15, phường BL, TPLC, tỉnh Lào Cai. Có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà V - Địa chỉ: Tổ 17, phường CL, TPLC, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn K - Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3, thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị MH - Địa chỉ: Tổ 17, phường CL, TPLC, tỉnh Lào Cai. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị MH: Ông Văn Minh N - Địa chỉ: Số 16, lô 3, PH, Đại lộ THĐ, tổ 15, phường BL, TPLC, tỉnh Lào Cai. Có mặt

- Ông NVC - Địa chỉ: Tổ 04, phường FSPg, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

- Bà NTN - Địa chỉ: Tổ 04, phường FSPg, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

- Bà NTL - Địa chỉ: Tổ 04, phường FSPg, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông NVC, bà NTN, bà NTL: Chị NHN - Địa chỉ: Tổ 04, phường FSPg, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt

- Anh ĐDK - Địa chỉ: Tổ 03, phường NC, TPLC, tỉnh Lào Cai. Có mặt

- Bà LTN - Địa chỉ: Tổ 04, phường FSPg, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà LTN: Anh LXV - Địa chỉ: Số nhà 58b, đường NCT, Phường F, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Ông LXĐ - Địa chỉ: Tổ 04, Phường F, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông LXĐ: Anh LVQ - Địa chỉ: Số nhà 58b, đường NCT, Phường F, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị MH.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh NGUYỄN DUY K trình bày:

Diện tích đất 423,1m²-Địa chỉ tổ dân phố số 11b TTSP, huyện SP (Nay là tổ 04, phường PSP, thị xã S), tỉnh Lào Cai có nguồn gốc do bố đẻ là ông NVC và mẹ NTN là người khai phá năm 1988 và đăng ký tại bản đồ địa chính SP VN 2000, sổ mục kê đất TTSP quy chủ cho ông NVC, ký hiệu thửa đất số 134 tờ bản đồ P7-28 (472 387 -2b) trang số 4, quyển số 03. Đến ngày 18 tháng 9 năm 2000, ông NVC và bà NTN Cyển nhượng diện tích là 423,1m²-Địa chỉ tổ dân phố số 11b TTSP, huyện SP (Nay là tổ 04, phường PSP, thị xã S), tỉnh Lào Cai cho anh NGUYỄN DUY K (Theo biên bản xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18 tháng 9 năm 2000 có xác nhận của Ủy ban nhân dân TTSP). Diện tích đất 423,1m², thửa đất số 91, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng đất CLN-Địa chỉ tổ dân phố số 11b, TTSP, huyện SP (Nay là tổ 04, phường PSP, thị xã S), tỉnh Lào Cai được nghiệm thu quy chủ trên bản đồ địa chính TTSP năm 2018 mang tên anh NGUYỄN DUY K.

Gia đình quản lý sử dụng đất nêu trên và Đ các hộ dân sinh sống cùng thời điểm xác nhận. Trong quá trình gia đình sử dụng đất thì cụ NTT và con trai là ông Nguyễn Văn L, cùng địa chỉ tổ 04 phường PSP, thị xã S, tỉnh Lào Cai tranh chấp. Năm 2020, anh NGUYỄN DUY K đề nghị Ủy ban nhân dân phường PSP

giải quyết nhưng cụ NTT không đến giải quyết, không có lý do vắng mặt, dẫn đến vụ việc chưa được giải quyết dứt điểm. Sau khi cụ NTT chết con trai là ông Nguyễn Văn L tiếp tục tranh chấp đất. Trong thời gian sử dụng đất anh NGUYỄN DUY K đã làm nhà tạm, xây tường rào và cải tạo đất. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L, bà V, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị MH chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất diện tích đất theo bản đồ địa chính đã Đ nghiệm thu năm 2018 đối với diện tích đất là 423,1m², thửa đất số 91, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng đất CLN-Địa chỉ tổ dân phố số 11b, TTSP, huyện SP (Nay là tổ 04, phường PSP, thị xã S), tỉnh Lào Cai.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Năm 1966, bố mẹ của ông là cụ ông NVV và cụ bà NTT khai phá được diện tích đất khoảng 800m²-Địa chỉ tổ dân phố số 11b TTSP, huyện SP (Nay là tổ 04, phường PSP, thị xã S), tỉnh Lào Cai. Đất có phía Đông giáp lối đi của nhà ông LXĐ và bà LTN; Phía Tây giáp nhà ông bà NCTT, bà HTL, Phía Bắc giáp nhà ông LXĐ và bà LTN; Phía Nam giáp đường NCT. Gia đình sử dụng đến năm 1988 thì cho ông NVC mượn nhưng không viết giấy tờ. Đến năm 1991 cụ NVV, cụ NTT đòi lại đất nhưng ông NVC không trả. Cụ NVV, cụ NTT đề nghị tổ trưởng và chính quyền địa phương giải quyết nhiều lần nhưng không thành. Gia đình sử dụng đất có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thời gian từ năm 1995 đến 2002, có gia đình hàng xóm vợ chồng ông NĐS, bà VTB, ông DDH, ông ĐVP xác nhận việc ông NVC mượn đất của cụ NTT trồng rau và cây Xuyên Khung. Ngày 13 tháng 4 năm 1987, gia đình cụ NTT còn cho hộ giáp ranh là ông LXĐ đất mở rộng lối đi. Năm 2021, cụ NTT chết nên việc tranh chấp đất, giữa cụ NTT với ông NVC chưa Đ giải quyết.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp diện tích đất là 800m²-Địa chỉ tổ 04, phường PSP, thị xã S, tỉnh Lào Cai cho 4 người con thừa kế di sản của cụ NVV và cụ NTT là ông Nguyễn Văn L, bà V, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị MH và buộc anh NGUYỄN DUY K tháo dỡ tài sản trả lại đất và bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K, bà V, bà Nguyễn Thị MH trình bày: Cụ ông NVV và cụ bà NTT có 4 người con là bà V, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị MH. Năm 1966, gia đình cụ NVV, cụ NTT khai phá khoảng diện tích đất là 800m², có chiều dài theo mặt đường NCT có kích thước khoảng 40m, chiều sâu có kích thước khoảng 20m, đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất hộ gia đình ông LXĐ, phía Tây giáp đất ông bà NCTT, bà HTL, phía Bắc giáp đất ông LXĐ, bà LTN, phía giáp Nam giáp đường NCT-Địa chỉ tổ 11b, TTSP, huyện SP (Nay tổ 04, phường PSP, thị xã S), tỉnh Lào Cai, gia đình sử dụng đến hết năm 1987 thì đến năm 1988 cho

ông NVC mượn, không ghi bằng văn bản nhưng có người làm chứng biết là ông ĐVP, ông NĐS, ông DDH, ông LXĐ, bà VTB. Năm 1991, cụ NTT đòi đất nhưng ông NVC không trả và nhất trí nội dung trình bày yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NVC, bà NTN và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp giữa anh NGUYỄN DUY K với ông Nguyễn Văn L là do ông NVC và bà NTN khai phá, trong quá trình sử dụng ông NVC, bà NTN đã kê khai với cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền Đ ghi trong bản đồ địa chính Vn 2000, sổ mục kê đất TTSP, quy chủ mang tên NVC, ký hiệu thửa đất số 134, tờ bản đồ P7-28 (472 387-2b), trang số 4, quyền số 03. Đến ngày 18 tháng 9 năm 2000, ông NVC, bà NTN chuyển nhượng cho con trai là anh NGUYỄN DUY K diện tích đất là 423,1m²-Địa chỉ tổ dân phố số 11b TTSP, huyện SP (Nay là tổ 04, phường PSP, thị xã S), tỉnh Lào Cai có xác nhận của Ủy ban nhân dân TTSP. Ngày 04 tháng 12 năm 2016, gia đình ông LXĐ và bà LTN đổi phần đất là đường đi để lấy phần đất của ông NVC giáp với đất gia đình ông LXĐ. Ông NVC và bà NTN xác định không còn quyền đối sử dụng đối với diện tích đất nêu trên nên không ý kiến đề nghị gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị NTL trình bày: Chị NTL xác định nguồn gốc hiện đang đất tranh chấp là do ông NVC tặng riêng cho anh NGUYỄN DUY K, đây là tài sản riêng của anh NGUYỄN DUY K, không liên quan đến quyền lợi của chị NTL nên chị không ý kiến đề nghị gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông LXĐ và bà LTN trình bày: Trước đây năm 1987, phần diện tích đất đường đi vào phần đất của gia đình ông LXĐ và bà LTN do đường đi hẹp nên có xin cụ NVV và cụ NTT 0,5m mở rộng đường đi, phía giáp đường NCT và xin đất của ông NCTT chiều mặt đường NCT là 3,3m, chiều sâu 3m để mở rộng lối đi. Đến ngày 04 tháng 12 năm 2016, gia đình ông LXĐ và bà LTN đổi phần đất là đường đi có diện tích là 17,9m² để lấy phần đất của ông NVC có diện tích là 33,7m². Sau khi đổi đất hiện nay ông LXĐ, bà LTN quản lý sử dụng diện tích đất theo kết quả sơ đồ đất nghiệm thu năm 2018, đã được chuyển tọa độ xuống thực địa có diện tích đất là 34,7m², còn ông NVC quản lý sử dụng diện tích đất là 51,1m². Trong trường hợp Tòa án giải quyết công nhận toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp, giữa gia đình ông NVC với ông Nguyễn Văn L cho gia đình ông NVC thì gia đình tiếp tục đổi đất. Trường hợp Tòa án không công nhận hoặc công nhận một phần quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp cho ông Nguyễn Văn L thì gia đình hủy bỏ việc đổi đất và trả lại đất theo hiện trạng ban đầu.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; Điều 164, Điều 169 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39,

khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của anh NGUYỄN DUY K như sau: + Công nhận anh NGUYỄN DUY K Đ quyền sử dụng diện tích đất là 423,1m², thửa đất số 91, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng đất CLN-Địa chỉ tổ dân phố số 11b TTSP, huyện SP (Nay là tổ 04, phường PSP, thị xã S), tỉnh Lào Cai quy chủ trên bản đồ địa chính TTSP năm 2018 mang tên anh NGUYỄN DUY K. Diện tích đất có tứ cận phía Nam giáp đường NCT; Phía Bắc giáp đất của các hộ ông LXĐ và bà LTN; Phía Tây giáp đất gia đình ông NCTT và bà HTL; Phía Đông giáp đất của gia đình ông LXĐ và bà LTN.

+ Buộc ông Nguyễn Văn L, bà V, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị MH chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 423,1m², thửa đất số 91, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng đất CLN-Địa chỉ tổ dân phố số 11b TTSP, huyện SP (Nay là tổ 04, phường PSP, thị xã S), tỉnh Lào Cai quy chủ trên bản đồ địa chính TTSP năm 2018 mang tên anh NGUYỄN DUY K. Diện tích đất có tứ cận phía Nam giáp đường NCT; Phía Bắc giáp đất của các hộ ông LXĐ, bà LTN; Phía Tây giáp đất gia đình ông NCTT và bà HTL; Phía Đông giáp đất của gia đình ông LXĐ và bà LTN có tọa độ như sau: **1.** X 2471426.85; Y 405415.64; **2.** X 2471324.86; Y 405422.19; **3.** X 2471323.53; Y 405427.05; **26.** X 2471321.28; Y 405435.53; **4.** X 2471320.56; Y 405438.24; **5.** X 2471310.95; Y 405440.30; **25.** X 2471309.91; Y 405436.44; **6.** X 2471306.72; Y 405424.51; **7.** X 2471309.16; Y 405423.98; **8.** X 2471309.26; Y 405407.27; **13.** X 2471302.18; Y 405404.94; **14.** X 2471303.62; Y 405404.85; **15.** X 2471303 ; Y 405400.46 ; **16.** X 2471304.83 ; Y 405401.54 ; **17.** X 2471310.48 ; Y 405405.18 ; **18.** X 2471316.49 ; Y 405408.99; **19.** X 2471317.57 ; Y 405409.48; **20.** X 2471318.68 ; Y 405409.62; **21.** X 2471319.68 ; Y 405409.23; **12.** X 2471320.93 ; Y 405411.22; **11.** X 2471320.33 ; Y 405411.93; **10.** X 2471319.64 ; Y 405412.26; **9.** X 2471318.44 ; Y 405412.04. *(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29 tháng 4 năm 2022, biên bản kiểm tra tài sản ngày 4 tháng 8 năm 2022 và sơ đồ thửa đất Đ Cyển tọa độ ra ngoài thực địa không tách rời bản án).*

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc công nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn L, bà V, ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị MH (Là di sản của cụ NTT và cụ NVV để lại) đối với diện tích đất là 423,1m²-Địa chỉ tổ 04, phường PSP, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Diện tích đất có tứ cận phía Nam giáp đường NCT, Phía Bắc giáp đất của các hộ ông LXĐ và bà LTN, Phía Tây giáp tường xây (Đất gia đình ông bà NCTT và bà HTL), Phía Đông giáp đất của gia đình ông LXĐ và bà LTN.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc buộc anh NGUYỄN DUY K phải tháo dỡ tài sản trên diện tích nêu trên để trả lại đất (Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29 tháng 4 năm 2022, biên bản kiểm tra tài sản ngày 4 tháng 8 năm 2022 và sơ đồ thửa đất Đ Cyển tọa độ ra ngoài thực địa).

- Không chấp nhận về việc yêu cầu anh NGUYỄN DUY K phải bồi thường thiệt hại tài sản số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 30/01/2023, Bị đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị MH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông NGUYỄN DUY K và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh NGUYỄN DUY K giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị MH giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 308; khoản 1 điều 309 BLTTDS xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, sửa một phần bản sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai về cách tuyên, cụ thể: tuyên anh NGUYỄN DUY K được tiếp tục sử dụng diện tích đất là 423,1m², thửa đất số 91, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng đất cây lâu năm- Địa chỉ tổ dân phố số 11b TTSP, huyện SP (tổ 4 phường PSP, thị xã S) tỉnh Lào Cai, quy chủ trên bản đồ địa chính TTSP năm 2018 mang tên anh NGUYỄN DUY K. Diện tích đất có tứ cận phía Nam giáp đường NCT; Phía Bắc giáp đất của các hộ ông LXĐ và bà LTN; Phía Tây giáp đất gia đình ông NCTT và bà HTL; Phía Đông giáp đất của gia đình ông LXĐ và bà LTN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã Đ thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị MH có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, trong thời hạn luật định là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị MH

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp, người kháng cáo cho rằng: Năm 1966, bố mẹ của anh L là cụ ông NVV và cụ bà NTT khai phá Đ diện tích đất khoảng 800m²-Địa chỉ hiện nay là tổ 04, phường PSP, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Đất có phía Đông giáp lối đi của nhà ông LXĐ và bà LTN; Phía Tây giáp nhà ông bà NCTT, bà HTL, Phía Bắc giáp nhà ông LXĐ và bà LTN; Phía Nam giáp đường NCT. Gia đình sử dụng đến năm 1988 thì cho ông NVC mượn nhưng không viết giấy tờ. Đến năm 1991 cụ V, T đòi lại đất nhưng ông C không trả lại với lý do đất này do gia đình ông C khai phá.

Xét thấy, việc cho mượn đất chỉ có lời khai của gia đình bà T, ông L không có giấy mượn đất, không có người làm chứng vì vậy lời khai của ông L là không có căn cứ.

Ông L cho rằng ngày 13/4/1987 giữa bà T với gia đình ông Đ, bà N có giấy tờ xin đất làm lối đi (BL157). Tuy nhiên tại Giấy đổi đất làm lối đi ngày 04/12/2016 là giữa gia đình ông Đ và gia đình ông C (BL 331) tại biên bản lấy lời khai (BL 335), ông LXĐ khai có việc đổi đất giữa hai gia đình ông Đ và ông C để làm lối đi, vì vậy tài liệu chứng cứ tại bút lục 157, 331 thể hiện lời khai của ông Đ có mâu thuẫn, do vậy không làm căn cứ giải quyết vụ án.

Theo lời khai và xác minh từ các nhân chứng bà HTL (BL 182); Ông ĐVP (BL 181); DDH (BL 180), Ông NĐD (BL 179); bà VTB (BL 178, 179) cho thấy trước năm 1987, gia đình bà T ông V sử dụng thửa đất tranh chấp để trồng cây dược liệu xuyên khung, mộc hương và trồng ngô. Việc gia đình bà T cho gia đình ông C mượn đất hay đổi đất thì họ không Đ chứng kiến nên không biết. Những người làm chứng ông ĐVP, DDH, bà VTB khai nhận năm 1987 thấy cụ NTT trồng cây trên đất tranh chấp. Tuy nhiên những tài liệu nêu trên, không thể hiện đất tranh chấp có nguồn gốc do cụ NTT khai phá, Đ Nhà Nước giao hay đã đăng ký trong sổ địa chính. Anh Nguyễn Văn L cho rằng nguồn gốc đất là do cụ T, ông V khai phá sử dụng nhưng những người làm chứng chỉ xác định trước năm 1987, có thấy cụ NTT canh tác, đến năm 1988 thì ông NVC canh tác, không có tài liệu chứng minh cụ Nguyễn Văn T cho ông NVC mượn đất.

Tại nội dung đơn đề nghị ngày 25/8/2004 cụ NTT cho rằng từ năm 1988 do tuổi già sức yếu gia đình không tiếp tục sản xuất Đ nên cụ cho gia đình ông C mượn đất (BL 152) nhưng cũng tại Đơn đề nghị ngày 20/11/2010 (BL151) thì cụ T trình bày năm 1993 do không có người làm nên có cho ông C mượn diện tích đất nông nghiệp là 450m² những chứng cứ này đều do phía bị đơn anh Nguyễn Văn L cung cấp. Vì vậy lời khai về việc cụ T cho ông C mượn cùng một thửa đất đang tranh chấp với ông C tại hai thời điểm, hai mốc thời gian khác nhau vào các năm 1988 và năm 1993 là mâu thuẫn nên không có căn cứ về việc cho mượn đất giữa gia đình cụ T và ông C.

Ngoài ra bị đơn giao nộp Giấy mời giải quyết tranh chấp đất ngày 22/2/2003 của UBND TTSP (BL155), Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị MH là con gái của cụ T, ông V khai vì bận công việc gia đình nên cụ T không đến UBND thị trấn giải quyết tranh chấp theo giấy mời, vì vậy không đủ căn cứ xác định cụ T tranh chấp đất với gia đình ông C hay các hộ khác, cũng như địa điểm ở đâu và vào thời gian nào.

Ông L cung cấp các biên lai thu thuế sử dụng đất (BL 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148) do ông V, bà T nộp từ năm 1995 đến năm 2002. Tuy nhiên những tài liệu này không thể hiện hộ gia đình cụ NTT Đ Nhà nước giao đất và các biên lai thu thuế sử dụng đất không thể hiện nghĩa vụ nộp thuế đất cho diện tích đất bao nhiêu, tại vị trí nào. Vì vậy, các biên lai thu thuế sử dụng đất do bị đơn cung cấp không có căn cứ chứng minh về việc gia đình ông L đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với thửa đất đang tranh chấp.

Tại đơn đòi đất năm 1991 (BL 156) của bà T, bà T cho rằng năm 1992 bà đã đưa việc đòi đất giữa bà và ông C đưa ra xóm để giải quyết nhưng anh C không trả. Tuy nhiên, việc tổ dân phố hoặc UBND thị trấn có giải quyết tranh chấp hay không thì không có tài liệu chứng minh. Mặt khác, trong đơn thể hiện “..năm 1988 bà T có khai phá Đ một miếng đất trước cửa nhà anh C gồm 500m², chị NH và anh C có mượn để làm kinh tế..”. Như vậy, bà T cũng đã thừa nhận rằng năm 1988 ông C đã có đất ở khu vực tranh chấp.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn anh L không cung cấp chứng cứ nào khác chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp; Việc tranh chấp đất đai giữa gia đình ông K với gia đình ông L kéo dài từ năm 1991 đến nay, trong quá trình sử dụng đất hộ gia đình ông L không đăng ký, kê khai về đất đai với chính quyền địa phương theo quy định pháp luật về đất đai và hộ anh K đã sử dụng đất ổn định, liên tục đến nay. Gia đình ông K đăng ký kê khai theo sổ mục kê, sổ địa chính tại địa phương theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh NGUYỄN DUY K, buộc ông Nguyễn Văn L, bà V, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị MH chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối

với quyền sử dụng đất của anh NGUYỄN DUY K đối với diện tích đất tích 423,1m², thửa đất số 91, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng đất CLN-Địa chỉ tổ dân phố số 11b TTSP, huyện SP (Nay là tổ 04, phường PSP, thị xã S), tỉnh Lào Cai.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn L Đ quyền sử dụng đối với đất tranh chấp diện tích là 423,1m²- Địa chỉ tổ 04, phường PSP, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Buộc ông NGUYỄN DUY K phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất trả lại quyền sử dụng đất và phải bồi thường thiệt hại số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Là có căn cứ phù hợp pháp luật.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tuyên công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất trên cho anh NGUYỄN DUY K là không đúng vì việc công nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của UBND thị xã S nên cần phải sửa cách tuyên cho phù hợp. Đối với nội dung này, yêu cầu tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn L là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai.

[5] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không Đ chấp nhận nên anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai, sửa cách tuyên bản án sơ thẩm “...anh NGUYỄN DUY K tiếp tục được quản lý sử dụng diện tích đất là 423,1m², thửa đất số 91, tờ bản đồ số 69, mục đích sử dụng đất CLN - Địa chỉ tổ dân phố số 11b TTSP, huyện SP (nay là tổ 04, phường PSP, thị xã S), tỉnh Lào Cai”

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) xác nhận anh L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí ký hiệu AC - 21P số 0005120 ngày 08/02/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thị xã S;
- Chi cục THADS thị xã S;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Lâm Hồng